

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TP.BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 174/2022/HNGĐ – ST

Ngày 21/9/2022.

V/v: Xin ly hôn và con chung

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH BUÔN MA THUỘT

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Việt Thống

2. Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Vi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Thắm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 443/2022/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 168/2022/QĐXX – HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 146/2022/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị H’N, sinh năm 1995

Địa chỉ: Buôn D, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Anh Y K, sinh năm 1988

Địa chỉ: Buôn D, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Quá trình làm việc tại Tòa án nguyên đơn chị H’N trình bày:** Tôi và anh Y K tự nguyện tìm hiểu và yêu thương nhau. Chúng tôi có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thành phố B vào ngày 23/4/2013

Quá trình chung sống, vợ chồng sống chung được thời gian thì vợ chồng tôi xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay mà không có biện pháp hàn gắn hạnh

phúc gia đình. Nay tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống gia đình không hạnh phúc. Mục đích hôn nhân không đạt được nên tôi có nguyện vọng được ly hôn với anh Y K.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung là cháu H'N, sinh ngày 03/11/2012 và cháu Y K, sinh ngày 05/9/2014. Tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 cháu cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

*** Bị đơn anh Y K mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.**

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột có ý kiến: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử thẩm phán chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như phía đương sự chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.*

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H'N. Cho chị H'N được ly hôn với anh Y K.

- Về con chung: Giao cháu H'N, sinh ngày 03/11/2012 và cháu Y K, sinh ngày 05/9/2014 cho chị H'N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Anh Y K được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của nguyên đơn, bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự và loại tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy bị đơn – anh Y K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tiến hành lấy lời khai cũng như hòa giải mâu thuẫn trong mối quan hệ hôn nhân giữa hai vợ chồng nhưng anh Y K vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của chị H'N và anh Y K tại phiên tòa: anh Y K đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm anh Y K vẫn vắng mặt lần hai không có lý do. Đối với chị H'N trước khi xét xử đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử vắng mặt các đương sự trong vụ án.

[3]. Về nội dung:

Giữa chị H'N và anh Y K có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thành phố B vào ngày 23/4/2013 đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị H'N xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục duy trì được mối quan hệ hôn nhân và yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cho chị được ly hôn với anh Y K.

Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương nơi đương sự cư trú thì thấy rằng: Trong cuộc sống hằng ngày giữa chị H'N và anh Y K có phát sinh mâu thuẫn, nhưng nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Hiện nay hai vợ chồng đã sống ly thân.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa chị H'N và anh Y K đã đến mức trầm trọng, đời sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, quá trình làm việc với Tòa án chị H'N đều có xác nhận trong quá trình chung sống với nhau hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ năm 2015 mà không có biện pháp hàn gắn hạnh phúc gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H'N và anh Y K là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống với nhau giữa chị H'N và anh Y K có 02 con chung là cháu H'N, sinh ngày 03/11/2012 và cháu Y K, sinh ngày 05/9/2014. Sau khi ly hôn chị H'N có nguyện vọng được nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai cháu, ngoài ra sau khi ly thân từ năm 2015 cho đến nay cháu H'N và cháu Y K đều do chị H'N chăm sóc và nuôi dưỡng, bản thân các cháu sau khi bố mẹ ly hôn có nguyện vọng muốn được ở với chị H'N. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi và sự phát triển bình thường, tránh ảnh hưởng đến tâm lý cho các cháu, nên cần giao cháu H'N, sinh ngày 03/11/2012 và cháu Y K, sinh ngày 05/9/2014 cho chị H'N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Anh Y K được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai có quyền được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H'N không yêu cầu anh Y K phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị H'N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 220, Khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H'N.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Cho chị H'N được ly hôn với anh Y K.

- *Về con chung:* Giao cháu H'N, sinh ngày 03/11/2012 và cháu Y K, sinh ngày 05/9/2014 cho chị H'N được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

Anh Y K được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai có quyền được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị H'N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2021/0012936 ngày 23/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ, T.A.

Y Kam Ênuôl